

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Hoàng Huy

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2019/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Y, sinh năm 1980

Địa chỉ cư trú: Ấp ĐK, xã VAD, huyện NH, tỉnh CM (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1979

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã K.A, huyện UM, tỉnh CM (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn xin ly hôn đề ngày 15 tháng 02 năm 2019 và tại phiên tòa chị Lê Thị Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Y và anh Lê Văn L tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, luôn xảy ra cự cãi, không thông cảm, không quan tâm lẫn nhau

trong sinh hoạt hàng ngày, từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể chung sống với nhau, mặt dù được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không kết quả nên đã ly thân. Chị Lê Thị Y yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn L.

Về con chung: Có 1 cháu tên Lê Thị L, sinh ngày 08/7/2008, hiện do anh L nuôi dưỡng, chị Y yêu cầu tiếp tục giao cháu Lanh cho anh L nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Tại Đơn xin vắng mặt đề ngày 09/4/2019 anh Lê Văn L trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Lê Văn L đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Y.

Về con chung: Có 1 cháu tên Lê Thị L, anh L đồng ý nuôi dưỡng cháu Lanh.

Về tài sản chung: Không có.

- *Cháu Lê Thị L trình bày:* Nguyên vọng của cháu Lanh sau khi cha mẹ ly hôn cháu xin ở với cha.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Y khởi kiện yêu cầu ly hôn, người được quyền nuôi con chung đối với anh Lê Văn L, địa chỉ cư trú ấp 2, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, theo khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Lê Văn L có đơn xin vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Y xác định chị với anh Lê Văn L tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2007 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị Y và anh L là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa chị Y và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân, chị Y và anh L cùng thống nhất ly hôn với nhau. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh L mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Y và anh L ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Y cùng anh Lê Văn L thống nhất tiếp tục giao cháu Lê Thị L cho anh L nuôi dưỡng và nguyên vọng của cháu L là được anh L nuôi dưỡng nên ghi nhận sự tự nguyện của chị Y, anh L và ghi nhận

nguyện vọng của cháu L. Do đó, giao cháu L cho anh L nuôi dưỡng là đảm bảo cho cháu L có điều kiện phát triển bình thường, ổn định về tâm lý, tình cảm. Chị Y có quyền thăm nom cháu L không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Y cùng anh Lê Văn L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Y cùng anh Lê Văn L xác định không có nên không xem xét

[6] Về nợ chung: Chị Lê Thị Y xác định không có, anh Lê Văn L cũng không có ý kiến gì nên không xem xét.

[5] Về án phí:

- Án phí hôn nhân và đình sơ thẩm chị Lê Thị Y phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Y đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004237 ngày 01/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Anh Lê Văn L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Y với anh Lê Văn L.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị L, sinh ngày 08/7/2008 cho anh Lê Văn L nuôi dưỡng, cháu L hiện do anh L nuôi dưỡng, anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Lê Thị Y có quyền thăm nom cháu L không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.
- Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và đình sơ thẩm chị Lê Thị Y phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Y đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004237 ngày 01/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu.

+ Anh Lê Văn L không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- UBND xã Viên An Đông, Ngọc Hiển (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Thanh Nguyễn

